

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về Giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 62/2015/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giải thưởng môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1667/TTr-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Tam

QUY ĐỊNH

Về giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, thang điểm, điều kiện xét tặng và tổ chức trao tặng Giải thưởng Môi trường tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Giải thưởng) trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cộng đồng và cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc xét và tổ chức trao tặng Giải thưởng Môi trường tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ dùng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Tổ chức gồm các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong nước và các tổ chức nước ngoài có tư cách pháp nhân, hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Cộng đồng gồm tổ nhân dân tự quản, tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Cá nhân gồm người Việt Nam và người nước ngoài có năng lực hành vi dân sự, không trong thời gian thi hành án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Việc xét tặng Giải thưởng phải được thực hiện đúng đối tượng, điều kiện, quy trình xét tặng theo quy định này; đảm bảo chính xác, công khai, dân chủ, khách quan.

2. Giải thưởng ghi nhận và tôn vinh những tổ chức, cộng đồng và cá nhân có đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Không xét tặng Giải thưởng cho tổ chức, cộng đồng và cá nhân đã được trao tặng Giải thưởng lần trước liền kề với cùng một nội dung, lĩnh vực.

4. Trong kỳ xét tặng Giải thưởng, mỗi cơ quan, đơn vị chỉ được trao tặng 01 Giải thưởng (tập thể hoặc cá nhân).

Điều 4. Hình thức, số lượng và cơ cấu giải thưởng

1. Hình thức trao tặng: Giải thưởng Môi trường tỉnh Bến Tre là giải thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng Bằng chứng nhận cho tổ chức, cộng đồng và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre, có đủ điều kiện xét tặng được quy định tại Điều 5 và đạt các tiêu chí, điểm trung bình quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Giải thưởng được tổ chức xét tặng 02 (hai) năm một lần.

3. Lĩnh vực tham gia xét tặng Giải thưởng chia thành 06 lĩnh vực:

a) Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

b) Giáo dục, đào tạo, truyền thông; tham vấn, tư vấn, phản biện, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

d) Phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, khắc phục sự cố, xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường;

đ) Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và an toàn sinh học;

e) Thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ VÀ HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 5. Điều kiện để xét tặng

Tổ chức, cộng đồng và cá nhân tham gia xét tặng Giải thưởng đáp ứng đủ điều kiện sau:

1. Đối với tổ chức, cộng đồng

a) Đã hoạt động, sản xuất, kinh doanh liên tục trên địa bàn tỉnh Bến Tre, không vi phạm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác của Việt Nam và các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh trong thời gian ít nhất 04 (bốn) năm, tính đến thời điểm đăng ký xét tặng Giải thưởng.

b) Tự nguyện đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng hoặc được cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp giới thiệu tham gia xét tặng Giải thưởng.

c) Giải quyết thành công ít nhất một vấn đề môi trường đặc thù hoặc thúc đẩy tiến bộ trong hoạt động bảo vệ môi trường thuộc một trong các lĩnh vực xét tặng Giải thưởng quy định tại Khoản 3, Điều 4 của Quy định này.

2. Đối với cá nhân

a) Không vi phạm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác của Việt Nam và các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh trong thời gian ít nhất 3 (ba) năm, tính đến thời điểm đăng ký xét tặng Giải thưởng.

b) Tự nguyện đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng hoặc được cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp giới thiệu tham gia xét tặng Giải thưởng.

c) Có thành tích xuất sắc, nổi bật thuộc một trong 06 lĩnh vực xét tặng Giải thưởng quy định tại Khoản 3, Điều 4 của Quy định này.

Điều 6. Tiêu chí và thang điểm xét tặng

Tổ chức, cộng đồng và cá nhân được xét tặng Giải thưởng theo các tiêu chí và thang điểm sau (thang điểm tối đa xét tặng là 100 điểm, được quy định cụ thể tại Phụ lục I, II ban hành kèm Quyết định này):

1. Đối với tổ chức và cộng đồng

a) Đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ môi trường: tối đa là 40 điểm

b) Quy mô và phạm vi ảnh hưởng: tối đa là 15 điểm;

c) Tính hiệu quả về kinh tế, xã hội: tối đa là 30 điểm;

d) Thời gian tác động: tối đa 10 điểm;

đ) Có thành tích về bảo vệ môi trường tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo: 05 điểm.

2. Đối với cá nhân

a) Đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ môi trường: tối đa là 40 điểm;

b) Tính hiệu quả về kinh tế, xã hội: tối đa là 30 điểm;

c) Tính điển hình và ảnh hưởng đối với cộng đồng: tối đa là 15 điểm;

d) Tính sáng tạo: tối đa là 10 điểm;

đ) Có thành tích về bảo vệ môi trường tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo hoặc người khuyết tật, người dân tộc thiểu số: 05 điểm.

Điểm trung bình để tính xét tặng Giải thưởng phải đạt từ 70 điểm trở lên.

Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo quy định tại Phụ lục III Quyết định này. Danh sách này sẽ được cập nhật theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hướng dẫn đăng ký tham gia Giải thưởng

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo rộng rãi và hướng dẫn đến các tổ chức, cộng đồng và cá nhân biết và đăng ký tham dự Giải thưởng môi trường của

tỉnh; thông báo công khai trước 31 tháng 01 của năm xét tặng Giải thưởng. Tổ chức, cộng đồng và cá nhân đủ điều kiện để xét tặng Giải thưởng gửi hồ sơ đăng ký tham gia đến Cơ quan thường trực Giải thưởng (Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15 tháng 4 của năm xét tặng Giải thưởng.

Điều 8. Hội đồng xét tặng

1. Hội đồng xét tặng Giải thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng) theo từng lần tổ chức và tự giải thể sau khi kết thúc nhiệm vụ, số lượng thành viên của Hội đồng không ít hơn 07 người. Hội đồng có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét chọn các tổ chức, cộng đồng và cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ môi trường để xem xét, quyết định tặng Giải thưởng.

2. Hội đồng gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên Hội đồng và Thư ký Hội đồng, cụ thể như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực kinh tế;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Các thành viên Hội đồng bao gồm: Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách lĩnh vực môi trường; Lãnh đạo các sở, ban, ngành; các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong lĩnh vực môi trường và các lĩnh vực liên quan việc xét tặng Giải thưởng.

d) Ủy viên Thư ký Hội đồng: Trưởng Phòng Quản lý Môi trường và Biến đổi khí hậu - Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng điều khiển các phiên họp của Hội đồng. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể. Các phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên tham dự. Quyết định thống nhất xét chọn trao Giải thưởng chỉ được thông qua khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng có mặt đồng ý.

4. Chủ tịch Hội đồng có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành hoạt động của Hội đồng; Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm thay mặt Hội đồng báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả làm việc và đề xuất của Hội đồng về việc trao Giải thưởng.

Điều 9. Xét tặng Giải thưởng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, tổ chức xác minh, thẩm định thực tế các hồ sơ (nếu cần thiết); trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu tổ chức, cộng đồng và cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phân loại hồ sơ theo từng lĩnh vực xét tặng Giải thưởng và chuyển tới các thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng.

3. Xét tặng Giải thưởng được tổ chức qua 02 (hai) vòng:

Vòng 1: Chủ tịch Hội đồng quyết định việc phân hồ sơ cho các thành viên Hội đồng. Các thành viên trong Hội đồng tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đánh giá, thảo luận và chấm điểm từng hồ sơ theo tiêu chí quy định tại Điều 6 của Quy định này. Sau khi xem xét, đánh giá tổng hợp và tính điểm trung bình đối với từng hồ sơ, Thư ký Hội đồng tổng hợp, lập danh sách các tổ chức, cộng đồng và cá nhân có số điểm trung bình đạt từ 70 điểm trở lên để xét tiếp ở vòng 2.

Vòng 2: Hội đồng làm việc tập thể để xem xét từng hồ sơ có số điểm từ 70 trở lên do Ban Thư ký tổng hợp và trình Hội đồng. Các thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá, thảo luận và chấm điểm từng hồ sơ theo tiêu chí quy định tại Điều 6 của Quy định này.

Mức chênh lệch số điểm giữa các thành viên Hội đồng cho cùng một hồ sơ không được quá 10 điểm; trường hợp mức chênh lệch số điểm cho cùng một hồ sơ lớn hơn 10 điểm, Hội đồng sẽ thảo luận và thông qua phương án tính điểm trung bình bằng hình thức biểu quyết. Sau khi xem xét, đánh giá tổng hợp và tính điểm trung bình đối với từng hồ sơ, Hội đồng lập danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng cho các tổ chức, cộng đồng và cá nhân có số điểm trung bình đạt từ 70 điểm trở lên.

4. Trên cơ sở danh sách do Hội đồng xét tặng, Cơ quan thường trực Giải thưởng (Sở Tài nguyên và Môi trường) hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định tặng Giải thưởng cho tổ chức, cộng đồng và cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định Giải thưởng.

Chương III

TỔ CHỨC LỄ TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG VÀ KINH PHÍ

Điều 10. Tổ chức Lễ trao tặng

1. Lễ trao tặng Giải thưởng được tổ chức vào Ngày môi trường thế giới; khi Quy định này có hiệu lực thì thực hiện xét lần đầu, trở đi: định kỳ 02 năm/lần.

2. Lễ trao tặng Giải thưởng được tổ chức trang trọng, truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để tôn vinh các tổ chức, cộng đồng và cá nhân.

Điều 11. Kinh phí

1. Kinh phí cho việc tổ chức và trao giải thưởng được chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, chi cho các hoạt động sau:

- a) Hoạt động của Hội đồng, Cơ quan thường trực Giải thưởng;
- b) In ấn, khung Bằng chứng nhận;
- c) Tổ chức lễ trao Giải thưởng;
- d) Tiền thưởng kèm theo Giải thưởng.

2. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tài trợ được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức, cộng đồng và cá nhân được tiếp nhận xét tặng Giải thưởng không được đóng góp kinh phí để tổ chức xét tặng Giải thưởng và các hoạt động có liên quan.

Điều 12. Quyền lợi của tổ chức, cá nhân và cộng đồng

1. Được tặng Bằng chứng nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Được thưởng tiền và hiện vật theo định mức quy định hiện hành.

3. Được tuyên truyền, quảng bá hình ảnh sản phẩm đạt giải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Được in ấn phẩm để quảng bá sản phẩm tại các thị trường trong và ngoài tỉnh.

5. Các tổ chức, cộng đồng và cá nhân đạt điểm cao nhất từng lĩnh vực Giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre lần gần nhất sẽ được đề nghị xét tặng Giải thưởng môi trường Việt Nam đợt gần nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành tính từ thời gian đã được xét tặng).

Điều 13. Hủy quyết định tặng Giải thưởng và thu hồi hiện vật

1. Tổ chức, cộng đồng và cá nhân không trung thực trong việc lập hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng bị phát hiện thì bị hủy bỏ quyết định tặng Giải thưởng, bị thu hồi toàn bộ hiện vật, tiền thưởng và không được hưởng các quyền lợi sau khi được tặng Giải thưởng, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

2. Việc thu hồi Giải thưởng được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Cơ quan quyết định tặng giải thưởng và hiện vật có quyền xem xét hủy quyết định tặng Giải thưởng và thu hồi hiện vật theo khoản 1 Điều này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là Cơ quan thường trực Giải thưởng, chủ trì, phối hợp với cơ quan và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch và triển khai phổ biến, truyền thông về Giải thưởng.

b) Chủ trì và phối hợp với Đài Phát thanh và truyền hình Bến Tre; Báo Đồng Khởi; Báo Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị truyền thông cấp huyện tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia xét tặng Giải thưởng theo quy định của pháp luật.

c) Công bố điều kiện, tiêu chí Giải thưởng; tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng và danh sách tổ chức, cá nhân và cộng đồng đề nghị tặng Giải thưởng; tổ chức công bố và trao Giải thưởng; công bố những chủ đề và lĩnh vực ưu tiên của lần trao giải tiếp theo.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này; xác nhận đề nghị xét tặng Giải thưởng môi trường cho các tổ chức, cộng đồng và cá nhân trên địa bàn quản lý có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân cần kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM ĐỐI VỚI
TỔ CHỨC VÀ CỘNG ĐỒNG

*(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân tỉnh Bến Tre)*

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1. Đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ môi trường	40
a) Có đóng góp (sáng kiến/đề xuất/công trình/mô hình...) có tính khả thi khi áp dụng	10
b) Có chương trình, kế hoạch cụ thể và đã thực hiện thành công tại nội bộ cơ quan hay tại địa phương	10
c) Có đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, hoàn thiện chính sách, xây dựng pháp luật về môi trường hoặc có đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ, chương trình trọng điểm về bảo vệ môi trường của tỉnh	10
d) Có tác động tích cực với sự phát triển ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học hoặc ứng phó với biến đổi khí hậu	10
2. Quy mô và phạm vi ảnh hưởng	15
a) Có thể áp dụng trong phạm vi nội bộ của tổ chức, cộng đồng hoặc địa phương nơi tổ chức, cộng đồng hoạt động, sinh sống	5
b) Có thể áp dụng trong phạm vi cấp huyện, thành phố	5
c) Có thể áp dụng trong phạm vi cấp tỉnh trở lên	5
3. Tính hiệu quả về kinh tế, xã hội	30
a) Có tác động làm giảm phát thải, có khả năng tái sử dụng hay tái chế, sử dụng hiệu quả tài nguyên hoặc tiết kiệm chi phí khi áp dụng	20
b) Có khả năng kết hợp với các tổ chức khác khi áp dụng các mô hình mang lại hiệu quả kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường	5
c) Được sự ủng hộ, đồng thuận của địa phương khi đưa vào áp dụng	5
4. Thời gian tác động (chọn 1 trong 3 mức điểm)	10
- Chỉ áp dụng mang tính phong trào và trong thời gian ngắn	5
- Có khả năng áp dụng liên tục và duy trì từ 1 đến 3 năm	8
- Có khả năng áp dụng liên tục và duy trì trên 3 năm	10
5. Có thành tích về bảo vệ môi trường tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo.	5
Tổng cộng (tối đa 100 điểm)	100

Phụ lục II
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân tỉnh Bến Tre)

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1. Đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ môi trường	40
a) Có đóng góp (sáng kiến/đề xuất/công trình/mô hình...) có tính hợp lý và khả thi khi áp dụng	10
b) Có đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, hoàn thiện chính sách, xây dựng pháp luật về môi trường hoặc có đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ, chương trình trọng điểm về bảo vệ môi trường của tỉnh	10
c) Có tác động tích cực với sự phát triển ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học hoặc ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh	10
d) Có tính liên tục và khả năng phát triển, nhân rộng ở những lĩnh vực tương tự hoặc có bài báo phổ biến đóng góp cho cộng đồng	10
2. Tính hiệu quả về kinh tế, xã hội	30
a) Có tác động làm giảm phát thải, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên hoặc tiết kiệm chi phí khi áp dụng	20
b) Có khả năng áp dụng cao vào thực tế, được xã hội công nhận	10
3. Tính điển hình và ảnh hưởng đối với cộng đồng	15
a) Có thể áp dụng trong phạm vi nội bộ nơi làm việc hoặc/và nơi sinh sống tại địa phương	5
b) Có thể áp dụng trong phạm vi cấp huyện, thành phố	5
c) Có thể áp dụng trong phạm vi cấp tỉnh trở lên	5
4. Tính sáng tạo	10
a) Có cải tiến so với các phương án, biện pháp thực hiện hiện hữu	5
b) Có tính mới, chưa từng được đề xuất (đóng góp mới hoặc mở ra hướng mới)	5
5. Có thành tích về bảo vệ môi trường tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo hoặc người khuyết tật, người dân tộc thiểu số.	5
Tổng cộng (tối đa 100 điểm)	100

Phụ lục III
DANH SÁCH XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG
VEN BIỂN, XÃ ĐẢO TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân tỉnh Bến Tre)

STT	Huyện	Xã
XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN		
1	Ba Tri	Bảo Thuận
2		An Thủy
3		Bảo Thạnh
4		An Hòa Tây
5		An Ngãi Tây
6		Tân Hưng
7		An Hiệp
8		Tân Xuân
9		An Đức
10	Bình Đại	Thừa Đức
11		Phú Vang
12		Vang Quới Đông
13		Đại Hòa Lộc
14		Thạnh Trị
15		Phú Long
16	Thạnh Phú	Thạnh Phong
17		Thạnh Hải
18		An Điền
19		Mỹ An
20		Bình Thạnh
21		An Nhơn
22		An Qui
23		An Thuận
24	Mỏ Cày Nam	Thành Thới A
25		Thành Thới B
26		Bình Khánh Đông

STT	Huyện	Xã
27	Giồng Trôm	Thạnh Phú Đông
28		Hung Phong
29	Châu Thành	Tiên Long
XÃ ĐẢO		
1	Giồng Trôm	Hung Phong
2	Bình Đại	Tam Hiệp